

Hoạt động ngân hàng góp phần tạo môi trường, cơ hội thu hút vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam

Phát biểu của Phó Thống Đốc NHNN Trần Minh Tuấn

Cùng với quá trình đổi mới và phát triển của nền kinh tế - xã hội theo hướng xóa bỏ cơ chế kế hoạch hóa tập trung, bao cấp, chuyển sang nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, trong nhiều năm qua, hệ thống ngân hàng Việt Nam đã thực hiện cải cách theo cơ chế thị trường, phù hợp dần với thông lệ và chuẩn mực quốc tế. Nhân dịp này, tôi xin trình bày các chính sách, cơ chế tiền tệ - tín dụng và hoạt động ngân hàng góp phần tạo môi trường, cơ hội thu hút đầu tư nước ngoài vào Việt Nam.

1. Ngân hàng Nhà nước thực thi chính sách tiền tệ một cách thận trọng, linh hoạt, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, tạo điều kiện cho doanh nghiệp đầu tư, sản xuất, kinh doanh.

Những năm gần đây và nửa đầu năm 2004, trong bối cảnh thị trường tài chính, tiền tệ quốc tế diễn biến phức tạp, để thực hiện mục tiêu ổn định tiền tệ, góp phần tăng trưởng kinh tế nhanh, bền vững, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) đã điều hành chính sách tiền tệ linh hoạt bằng các công cụ gián tiếp thay cho các công cụ trực tiếp. Có thể điểm qua một số kết quả chủ yếu: (1) Nghiệp vụ thị trường mở là công cụ thường xuyên được sử dụng để điều tiết vốn khả dụng, đảm bảo khả năng thanh toán của các tổ chức tín dụng (TCTD), doanh số giao dịch tăng nhanh thông qua các phiên giao dịch chào mua, bán 2 phiên/tuần; (2) Thực hiện cơ chế lãi suất kinh doanh thỏa thuận của các TCTD, điều chỉnh linh hoạt lãi suất tái cấp vốn, lãi suất chiết khấu; (3) Hạ thấp tỷ lệ dự trữ bắt buộc đối với tiền gửi VND và tiền gửi ngoại tệ, đồng thời mở rộng phạm vi dự trữ bắt buộc đối với tiền gửi dài hạn để tăng cường điều tiết thị trường tiền tệ và lãi suất phù hợp với cung - cầu vốn; (4) Tỷ giá hối đoái được điều chỉnh một cách linh hoạt, phản ánh sát cung - cầu ngoại tệ thị trường ngoại hối trong nước; (5) Công cụ nghiệp vụ chiết khấu, hoán đổi ngoại tệ được sử dụng, kết hợp với các công cụ khác để hạn chế tác động bất lợi của thị trường tài chính - tiền tệ trong nước và quốc tế, kiểm soát biến động của lãi suất và tỷ giá ở mức độ thích hợp, tạo cơ sở cho thị trường tài chính - tiền tệ phát triển theo chiều sâu.

Để điều hành và kiểm soát tiền tệ dựa trên cơ sở thị trường, NHNN đã chú trọng phát triển thị trường tiền tệ, đến nay các bộ phận của thị trường đã hình thành, khối lượng vốn luân chuyển gia tăng khá lớn, như thị trường tín dụng, thị trường nội tệ liên ngân hàng, thị trường ngoại tệ liên ngân hàng, thị trường đấu thầu chứng khoán chính phủ, thị trường mở... Năm 2003, thực hiện Luật sửa đổi một số điều Luật Ngân hàng Nhà nước, các ngân hàng thương mại (NHTM) đã được sử dụng các giấy tờ có giá dài hạn với số lượng khá lớn để giao dịch trên thị trường tiền tệ thứ cấp mà theo đó mở rộng khả năng điều tiết tiền tệ của NHNN.

Lãi suất thị trường tiền tệ được kiểm soát, biến động phù hợp với cung - cầu vốn và mục tiêu chính sách tiền tệ. Tỷ giá của VND so với USD và các

ngoại tệ khác được điều hành theo cơ chế thả nổi có điều tiết, biên động tăng của tỷ giá ở mức thích hợp (tỷ giá giữa USD và VND năm 2002, 2003 tăng dưới 2%, 6 tháng đầu năm 2004 tăng 0,45%); góp phần thúc đẩy xuất khẩu, kiểm soát nhập khẩu, tạo điều kiện thuận lợi cho chu chuyển luồng vốn ra và vào Việt Nam, tách rời sự neo buộc của VND vào USD để tiến tới gắn kết vào một “Rô tiền tệ” dựa trên quan hệ thương mại, đầu tư của Việt Nam với các nước nhằm mở rộng khả năng thu hút các nguồn vốn của đầu tư nước ngoài. Đồng thời, NHNN đã ban hành quy định đối với các công cụ thị trường như giao dịch kỳ hạn, giao dịch hoán đổi tiền tệ và lãi suất. Qua đó các Nhà đầu tư nước ngoài có thể lựa chọn, tìm kiếm nguồn vốn, ngoại tệ để đảm bảo nhu cầu của mình dựa trên các yếu tố thị trường và các công cụ phòng ngừa rủi ro theo thông lệ quốc tế.

Bên cạnh đó, NHNN đã tổ chức hệ thống thanh tra, giám sát ngân hàng theo dần chuẩn mực quốc tế; thành lập Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam và Trung tâm thông tin tín dụng để phòng ngừa, kiểm soát và xử lý kịp thời các rủi ro, mất khả năng chi trả của TCTD; tổ chức hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng trong nước và quốc tế, tạo điều kiện cho các TCTD phát triển các dịch vụ thanh toán hiện đại và quản trị kinh doanh an toàn, hiệu quả.

2. ĐỔI MỚI CHÍNH SÁCH VÀ CƠ CHẾ TÍN DỤNG, NGOẠI HỐI THEO CƠ CHẾ THỊ TRƯỜNG, PHÙ HỢP VỚI ĐIỀU KIỆN CỦA VIỆT NAM, TẠO THUẬN LỢI CHO VIỆC MỞ RỘNG QUAN HỆ TÍN DỤNG GIỮA CÁC TCTD VỚI CÁC DOANH NGHIỆP, LÀM TIỀN ĐỀ CHO VIỆC MỞ RỘNG THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI.

Với chức năng quản lý Nhà nước về hoạt động tiền tệ, tín dụng và ngân hàng, NHNN đã từng bước tạo lập khuôn khổ pháp lý và môi trường kinh doanh lành mạnh và bình đẳng, áp dụng dần chuẩn mực quốc tế trong kinh doanh tiền tệ - ngân hàng; thực hiện chính sách và cơ chế tín dụng thông thoáng theo nguyên tắc thương mại, bình đẳng giữa các thành phần kinh tế, loại hình doanh nghiệp.

Các quy định của NHNN đã không còn sự can thiệp hành chính đối với việc cho vay của TCTD, TCTD được tự chủ xem xét và thỏa thuận với các doanh nghiệp trong việc cho vay vốn, xử lý rủi ro và thu hồi nợ vay. Các TCTD mở rộng cho vay bằng VND và ngoại tệ đối với doanh nghiệp; cho vay các nhu cầu vốn để đầu tư, sản xuất, kinh doanh, phục vụ đời sống của doanh nghiệp mà pháp luật không cấm; thời hạn cho vay được xác định theo chu kỳ sản xuất, kinh doanh, thời hạn thu hồi vốn của dự án đầu tư, khả năng trả nợ của doanh nghiệp và nguồn vốn cho vay của TCTD. Áp dụng phương thức cho vay phù hợp với điều kiện sản xuất, kinh doanh và nhu cầu vay vốn của doanh nghiệp; đối với các dự án lớn, vượt quá khả năng của một TCTD thì phối hợp để đồng tài trợ (Quyết định số 1627/2001/QĐ – NHNN ngày 31/12/2001 và Quyết định số 286/2002/QĐ – NHNN ngày 03/4/2002). Bên cạnh hình thức cho vay, NHNN đã ban hành cơ chế về các hình thức cấp tín dụng khác như bảo lãnh, cho thuê tài chính, chiết khấu bộ chứng từ xuất khẩu..., khuyến khích TCTD mở rộng các hình thức cấp tín dụng này đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

Các TCTD cho doanh nghiệp vay theo lãi suất thỏa thuận phù hợp với cung - cầu vốn thị trường, khả năng trả nợ của doanh nghiệp và mức độ rủi ro. Về cơ chế bảo đảm tiền vay, doanh nghiệp được TCTD xem xét cho vay không có bảo đảm bằng tài sản, cho vay có bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay; việc thế chấp giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền đồng thời hoặc tách rời là do các bên thỏa thuận; giá trị quyền sử dụng đất thế chấp được các bên thỏa thuận theo giá đất thực tế chuyên nhượng trên thị trường, đối với đất đai mà doanh nghiệp thuê đã trả tiền mà thời hạn thuê còn lại từ 01 năm trở lên, thì giá trị quyền sử dụng đất thế chấp được xác định bằng số tiền đã trả còn lại của thời hạn thuê, chi phí đền bù, san ủi mặt bằng. Doanh nghiệp được sử dụng một tài sản thuộc quyền sở hữu của mình để đảm bảo cho các khoản nợ vay ở một hoặc nhiều TCTD, nếu tài sản đó được đăng ký giao dịch bảo đảm và có giá trị lớn hơn các khoản nợ vay (Nghị định số 178/1999/NĐ-CP ngày 29/12/1999, Nghị định số 85/2002/NĐ-CP ngày 25/10/2002, Thông tư số 07/2003/TT-NHNN ngày 19/5/2003).

Chính sách ngoại hối đã và đang được thực hiện theo hướng tự do hóa, từng bước bãi bỏ các hạn chế đối với tài khoản vãng lai, thanh toán quốc tế, mua bán đầu tư, chuyển từ quản lý trực tiếp sang quản lý gián tiếp đối với các hoạt động vay, trả nợ nước ngoài của doanh nghiệp, tạo các điều kiện cho các doanh nghiệp mà nhất là các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động thuận lợi. Về quản lý ngoại hối đối với đầu tư trực tiếp của nước ngoài vào Việt Nam (Thông tư số 04/2001/TT-NHNN ngày 18/5/2001), NHNN đã xóa bỏ cơ chế tự cân đối ngoại tệ, các doanh nghiệp khi có nhu cầu ngoại tệ để thực hiện các giao dịch vãng lai và giao dịch vốn hợp lệ được quyền liên hệ với các NHTM để mua ngoại tệ, thay vì phải xin phép NHNN mua ngoại tệ như trước đây; việc mở tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài, trước đây doanh nghiệp chỉ được mở tài khoản ở nước ngoài cho mục đích tiếp nhận vốn vay, nay đã được NHNN xem xét cho phép mở tài khoản ở nước ngoài đối với những trường hợp khác để phục vụ sản xuất, kinh doanh; đối với các Dự án có vốn đầu tư nước ngoài được Chính phủ bảo lãnh, NHNN có quy trình để bán ngoại tệ cho các Dự án này (Quyết định số 218/2002/QĐ-NHNN ngày 22/3/2002).

Đối với các doanh nghiệp có nguồn thu xuất khẩu hoặc có dự án đầu tư, phương án sản xuất, kinh doanh khả thi, có hiệu quả được TCTD xem xét cho vay ngoại tệ (Quyết định số 966/2003/QĐ-NHNN ngày 22/8/2003); Việc thanh toán, mua bán hàng hóa và dịch vụ, chuyển nhượng, các giao dịch khác giữa doanh nghiệp chế xuất và doanh nghiệp ngoài khu chế xuất được thực hiện bằng ngoại tệ tự do chuyển đổi hoặc VND thông qua tài khoản mở tại NHTM hoạt động trong khu chế xuất, ngoài khu chế xuất (công văn số 606/NHNN-QLNH ngày 13/6/2001). Ngoài ra, NHNN đã ban hành văn bản hướng dẫn việc mua cổ phần trong các doanh nghiệp Việt Nam của Nhà đầu tư nước ngoài (Thông tư 03/2004/TT-NHNN ngày 25/5/2004) và đang phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư thực hiện việc chuyển các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thành công ty cổ phần theo quy định của Chính phủ. Qua các cuộc tiếp xúc định kỳ giữa NHNN với Nhà đầu tư và nhóm Ngân

hàng nước ngoài cho thấy chính sách và cơ chế tín dụng, quản lý ngoại hối hiện nay là phù hợp điều kiện thực tế và chính sách mở rộng thu hút vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam.

3. Hệ thống các TCTD phát triển về quy mô, mạng lưới, có khả năng cung ứng dịch vụ ngân hàng đáp ứng nhu cầu doanh nghiệp

Hệ thống các TCTD hoạt động kinh doanh tiền tệ, tín dụng và dịch vụ ngân hàng, đến nay đã có gần 1000 các TCTD quy mô lớn, nhỏ hoạt động, trong đó có 5 Ngân hàng liên doanh, 26 chi nhánh Ngân hàng nước ngoài; các TCTD ứng dụng công nghệ thông tin trong giao dịch, quản trị kinh doanh; đa dạng hóa các hình thức huy động vốn, cho vay, cung ứng các dịch vụ và tiện ích ngân hàng hiện đại, thuận lợi cho doanh nghiệp; mở rộng quan hệ hợp tác với hơn 2000 tổ chức tài chính quốc tế, các NHTM ở nước ngoài của trên 100 nước. Từ năm 2001, các NHTM Việt Nam bắt đầu thực hiện cơ cấu lại để tăng năng lực tài chính, hiệu quả kinh doanh và khả năng cạnh tranh, bằng việc thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong hoạt động kinh doanh, thay đổi mô hình tổ chức và mở rộng phạm vi hoạt động, đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ theo nhu cầu của thị trường, nâng cao tỷ lệ vốn tự có trên tài sản có rủi ro, giải quyết nợ tồn đọng, đi đôi với việc trích lập dự phòng rủi ro theo thông lệ quốc tế; gắn quá trình cơ cấu lại ngân hàng với sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước; tuân thủ các quy định về bảo đảm an toàn, đảm bảo hoạt động kinh doanh an toàn - hiệu quả - bền vững.

Về cơ chế quản lý đối với TCTD nước ngoài hoạt động tại Việt Nam và TCTD liên doanh đang được điều chỉnh theo hướng phù hợp với xu thế hội nhập, tạo sự đối xử bình đẳng giữa các TCTD trong nước và ngoài nước. Trong thời gian qua, NHNN đã từng bước thực hiện xóa bỏ những hạn chế đối với các TCTD nước ngoài hoạt động tại Việt Nam theo các lộ trình đã cam kết song phương và đa phương như từ tháng 9/2003, các chi nhánh Ngân hàng nước ngoài hoạt động tại Việt Nam được huy động tiền gửi VND với tỷ lệ 50% vốn được cấp (trước đây là 25%); các chi nhánh Ngân hàng nước ngoài của các nước thuộc liên minh Châu Âu hoạt động tại Việt Nam. Theo quy định của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các TCTD có hiệu lực kể từ 1/10/2004 thì có thêm một loại hình TCTD nước ngoài mới là Ngân hàng con 100% vốn nước ngoài; NHNN đang nghiên cứu sửa đổi các quy định đối với hoạt động của các TCTD nước ngoài hoạt động tại Việt Nam theo hướng đối xử một cách bình đẳng hơn (đối xử quốc gia), đảm bảo tính minh bạch và quyền lợi hợp pháp của các TCTD nước ngoài. Đầu năm 2004, NHNN đã cấp giấy phép cho 2 ngân hàng nước ngoài (một ngân hàng Nhật, một ngân hàng Mỹ) mở chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh.

4. Hệ thống các TCTD mở rộng cấp tín dụng và nâng cao chất lượng dịch vụ ngân hàng cung ứng đối với các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài.

Theo số liệu của cơ quan chức năng đến cuối năm 2003 có hơn 3000 doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đang hoạt động tại Việt Nam, trong đó khoảng 65% doanh nghiệp đã đi vào hoạt động kinh doanh, tập trung chủ

yếu ở các tỉnh, thành phố có điều kiện thuận lợi về điều kiện tự nhiên, cơ sở hạ tầng như thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Đồng Nai, Bình Dương, Bà Rịa Vũng Tàu, Hải Phòng, Quảng Ninh, Đà Nẵng... Phần lớn các doanh nghiệp được xây dựng trong khu chế xuất, khu công nghiệp, quan hệ tín dụng và thực hiện các dịch vụ thanh toán chủ yếu với các Ngân hàng liên doanh, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam và một phần quan hệ với Hội sở chính và các chi nhánh của NHTM Nhà nước (Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Đầu tư phát triển Việt Nam, Ngân hàng Công thương Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam) ở Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh và các địa phương có nhiều dự án đầu tư nước ngoài. Đến nay các NHTM đã mở gần 80 chi nhánh phục vụ các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, riêng các NHTM Nhà nước đã có hơn 50 chi nhánh giao dịch trong các khu công nghiệp, khu chế xuất ở Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh và một số địa phương khác để cho vay vốn, cung ứng các dịch vụ ngoại hối, thanh toán xuất - nhập khẩu, thanh toán thẻ, máy rút tiền tự động ATM.

Mấy năm gần đây, quan hệ tín dụng giữa doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và các NHTM tăng trưởng khá nhanh, bình quân 23%/năm, tổng dư nợ đến 31/12/2003 đạt 39.000 tỷ đồng, ước 30/6/2004 đạt 47.000 tỷ đồng; trong đó các chi nhánh Ngân hàng nước ngoài và Ngân hàng liên doanh chiếm 72%, các NHTM Nhà nước chiếm 26%, cho vay dài hạn chiếm 49%, cho vay bằng ngoại tệ chiếm 67%, tỷ lệ nợ quá hạn dưới 4%, có khoảng 900 doanh nghiệp đã và đang vay vốn của TCTD hoạt động ở Việt Nam. Về cơ cấu dư nợ cho vay đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài theo địa bàn, thì thành phố Hồ Chí Minh chiếm 50%, Hà Nội là 30%. So với các doanh nghiệp Việt Nam, các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài có quy mô lớn, công nghệ hiện đại, được hỗ trợ về kỹ thuật, thị trường, tài chính từ công ty mẹ và các đối tác nước ngoài, có tài sản và tình hình tài chính tương đối lành mạnh, tuân thủ luật pháp Việt Nam, được ưu đãi về thuế, giá thuê đất và sự hỗ trợ của các cấp, các ngành về thủ tục cấp phép, đầu tư. Các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài là khách hàng có uy tín, được các NHTM mở rộng cho vay các dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, mua sắm máy móc thiết bị, đầu tư tài sản lưu động, cung ứng các dịch vụ thanh toán.

Tuy nhiên, quan hệ tín dụng và việc cung ứng các dịch vụ ngân hàng đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài còn một số hạn chế là hình thức cấp tín dụng chưa đa dạng, chất lượng dịch vụ chưa cao, một số dịch vụ chưa phù hợp thông lệ quốc tế, chưa đáp ứng được nhu cầu đa dạng của doanh nghiệp. Nguyên nhân của những hạn chế này là: Các chính sách, pháp luật về thuế, hải quan, thuế đất, đăng ký giao dịch bảo đảm, vay vốn chưa được đồng bộ; thị trường lao động, thị trường công nghệ và thị trường bất động sản trong nước phát triển ở mức độ thấp, gây khó khăn cho doanh nghiệp trong việc tìm kiếm các nguồn lực và khó khăn đối với các NHTM trong việc đánh giá tính khả thi của dự án và xử lý tài sản bảo đảm; về phía doanh nghiệp, những năm đầu hoạt động thường bị lỗ hoặc hạch toán lỗ để kéo dài thời gian miễn giảm thuế, làm cho các TCTD khó đánh giá về khả

năng tài chính; mặt bằng sản xuất, kinh doanh chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc trả tiền thuê đất hàng năm cho nên không đủ điều kiện thế chấp đất đai để vay; về phía TCTD, có khó khăn về nguồn vốn cho vay dài hạn và khả năng đáp ứng nhu cầu mua, vay vốn bằng ngoại tệ của doanh nghiệp, khó khăn trong việc thu nhập thông tin về hoạt động sản xuất, kinh doanh, tài chính của doanh nghiệp.

5. Tác động tích cực và hiệu quả của hoạt động ngân hàng trong nhiều năm qua thể hiện ở việc giữ được ổn định tiền tệ, góp phần quan trọng mở rộng đầu tư trong nước, thu hút đầu tư nước ngoài, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, giảm mạnh tỷ lệ nghèo đói và ổn định chính trị - xã hội. Tuy nhiên, quá trình phát triển của nền kinh tế và hệ thống ngân hàng Việt Nam cũng đang đối mặt với sự khó khăn và thách thức, tồn tại và yếu kém, đó là: Việt Nam vẫn còn là nước kinh tế kém phát triển, trong khi cuộc cạnh tranh quốc tế ngày càng quyết liệt; nền kinh tế phát triển chưa bền vững, chất lượng tăng trưởng, hiệu quả và sức cạnh tranh còn thấp; cơ cấu kinh tế chưa hợp lý; thể chế thị trường hình thành chưa đồng bộ; chất lượng nguồn nhân lực còn hạn chế; năng lực điều hành chính sách tiền tệ và thanh tra, giám sát, đảm bảo an toàn hệ thống của NHNN chưa đáp ứng được những chuẩn mực và thông lệ quốc tế; đối với NHTM, năng lực tài chính còn yếu, năng lực cạnh tranh còn thấp; trình độ công nghệ chưa hiện đại bằng các ngân hàng trong khu vực.

Để góp phần tiếp tục cải thiện môi trường, tạo cơ hội thu hút vốn đầu tư nước ngoài, trong thời gian tới đây, NHNN tiếp tục thực thi chính sách tệ theo các nguyên tắc của thị trường, bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô, thúc đẩy sản xuất và tiêu dùng, kích thích đầu tư phát triển, xây dựng môi trường hoạt động tín dụng bình đẳng đối với mọi thành phần kinh tế, thông thoáng, với khung pháp lý đồng bộ, minh bạch, phù hợp dần với thông lệ và chuẩn mực quốc tế, điều chỉnh cơ cấu tín dụng cho phù hợp với cơ cấu của nền kinh tế.

NHNN sẽ thực hiện các giải pháp:

- (1) Phối hợp với các bộ, ngành thực hiện đồng bộ các giải pháp phát triển thị trường tài chính - tiền tệ;
- (2) Tiếp tục hoàn thiện các công cụ điều hành chính sách tiền tệ để điều tiết linh hoạt và kiểm soát diễn biến thị trường tiền tệ;
- (3) Hoàn thiện cơ chế điều hành tỷ giá hối đoái thả nổi có điều tiết, kết hợp với việc áp dụng một cách phổ biến các công cụ phòng chống rủi ro theo thông lệ quốc tế;
- (4) Trên cơ sở các văn bản luật về đất đai, kinh tế, hành chính, dân sự mới được ban hành, NHNN ban hành các cơ chế mới về tín dụng, bảo đảm tiền vay, quản lý ngoại hối;
- (5) Đẩy nhanh quá trình cơ cấu lại và hiện đại hóa các NHTM trong nước để đủ sức cạnh tranh và cung ứng các dịch vụ ngân hàng có chất lượng cao, phù hợp với thông lệ quốc tế;
- (6) Tiếp tục nghiên cứu và nới lỏng các hạn chế đối với các TCTD nước ngoài hoạt động tại Việt Nam phù hợp với xu thế và lộ trình hội nhập kinh tế quốc tế, tạo điều kiện cho các TCTD nước ngoài hoạt động có hiệu quả, đóng góp ngày càng lớn đối

với sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam.

Quá trình phát triển và chiến lược phát triển kinh tế xã hội của Việt Nam đến năm 2010 đã xác định kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài là một bộ phận của kinh tế Việt Nam. Việc góp phần cải thiện môi trường đầu tư, hoàn thiện các hình thức đầu tư, nâng cao các hình thức thu hút vốn đầu tư nước ngoài là nhiệm vụ thường xuyên, quan trọng đối với hệ thống ngân hàng Việt Nam. Chúng tôi luôn sẵn sàng trao đổi, thảo luận với Nhà đầu tư nước ngoài, các vị khách quốc tế về những vấn đề liên quan đến hoạt động ngân hàng, tạo điều kiện cho các cơ hội đầu tư được thành công, hiệu quả. Đồng thời, chúng tôi mong muốn nhận được nhiều hơn sự đóng góp, chia sẻ kinh nghiệm, hỗ trợ tài chính, công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực của các tổ chức quốc tế và Nhà đầu tư nước ngoài giúp cho hệ thống ngân hàng Việt Nam phát triển, đủ sức cạnh tranh trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế.

Trích tài liệu Hội nghị Bàn tròn về Đầu tư tại Việt Nam tháng 07/2004